TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** TỈNH BÌNH PHƯỚC	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-ST
Ngày: 26/02/2021
"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ toạ phiên toà: Ông: Trần Văn Lượng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Đoàn Mạnh Quang
Bà: Điểu Thị Hương

-Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Hưng - Thư ký Tòa án.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: bà Huỳnh Thị Dạ Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 127/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: NH T; Địa chỉ trụ sở: số 89, đường LH, phường LH, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội;

- *Đại diện theo pháp luật:* ông Ngô Chí D – Chủ tịch hội đồng quản trị.

- *Đại diện theo ủy quyền:* ông Đỗ Thành T – P. Giám đốc khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ, VPBank Hội sở; Địa chỉ liên lạc: Tầng 1, Tòa nhà ACM, số 96, Cao Thắng, phường 4, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh. ông Trung ủy quyền lại cho ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị Bích P – Là cán bộ xử lý nợ, tầng 01, Tòa nhà ACM, số 96, Cao Thắng, phường 4, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: ông Trương Trọng K, sinh năm 1977; Địa chỉ: ấp TT, xã PT, huyện B, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/9/2020, cùng các bản khai, biên bản hòa giải, lời khai tại Tòa cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích Phương trình bày:

Vào ngày 23/5/2020, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh có ký hợp đồng tín dụng (Số: 7408313/GDH/HĐTD) với ông Trương Trọng K với số tiền vay là 324.800.000đ (ba trăm hai mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng), mục đích vay là Mua xe HUYNDAI; số loại GRAND; Thời hạn vay là 60 tháng, từ ngày 23/5/2016 đến 23/5/2021; Lãi suất tại thời điểm giải ngân 8,99 % năm, cố định trong 3 tháng đầu. Từ ngày 23/8/2016 đến 30/9/2016 được điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng + biên độ 6% năm. Từ 01/10/2016 lãi suất điều chỉnh 03 tháng/lần.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ ông Trương Trọng K đứng ra ký hợp đồng thế chấp (Số 7408313/GDH/HĐTCSP ngày 23/5/2016) với NH T tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô con nhãn hiệu HYNDAI, số loại GRAND, biển số: 93A-069.17, số khung: 51AAHM440976, số máy G3LAGM071554 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 009923 do Phòng CSGT công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 18/5/2016 cho ông Trương Trọng K.

Đến thời hạn trả nợ bị đơn ông Trương Trọng K không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp đồng đã ký kết nên đã vi phạm hợp đồng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông Trương Trọng K thanh toán số tiền trên nhưng ông Trương Trọng K vẫn không hợp tác để thanh toán khoản nợ trên cho Ngân hàng.

Nay về phía Ngân hàng yêu cầu ông Trương Trọng K thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc: 156.966.000đ (một trăm năm mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) và tiền nợ lãi là: 60.203.166đ (sáu mươi triệu hai trăm lẻ ba nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng), các khoản lãi trên được tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/02/2021. Tổng số tiền ông Trương Trọng K phải thanh toán cho Ngân hàng là: 217.169.166đ (hai trăm mười bảy triệu một trăm sáu mươi chín nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng). Đồng thời yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B xử lý tài sản là: 01 xe ô tô con nhãn hiệu HYNDAI, số loại GRAND, biển số: 93A-069.17, số khung: 51AAHM440976, số máy G3LAGM071554 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 009923 do Phòng CSGT công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 18/5/2016 cho ông Trương Trọng K.

Tòa án đã tiến hành triệu tập bị đơn ông Trương Trọng K để làm việc đúng theo quy định nhưng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn ông Trương Trọng K theo qui định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Trương Trọng K có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi trên, đồng thời yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp như trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tung: Bị đơn có nơi cư trú tại xã PT, huyện B, tỉnh Bình Phước thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng năm 2015.

Về quan hệ tranh chấp: Ngày 23/5/2016, NH T có ký hợp đồng tín dụng (Số: 7408313/GDH/HĐTD) với ông Trương Trọng K. Do phát sinh tranh chấp nên nguyên đơn khởi kiện. Yêu cầu khởi kiện thuộc Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục xác minh, niêm yết văn bản tố tụng; Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng số: 7408313/GDH/HĐTD ký ngày 23/5/2016 là: 217.169.166đ (hai trăm mười bảy triệu một trăm sáu mươi chín nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng), trong đó tiền gốc là: 156.966.000đ (một trăm năm mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) và tiền nợ lãi là: 60.203.166đ (sáu mươi triệu hai trăm lẻ ba nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng) các khỏan lãi trên được tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/02/2021. Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của nguyên đơn có cở sở để Hội đồng xét xử xác định bị đơn và nguyên đơn đã ký hợp đồng tín dụng trên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã ký trên, vi phạm Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên việc Ngân hàng NH T yêu cầu bị đơn phải thánh toán số nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng số: 7408313/GDH/HĐTD ký ngày 23/5/2016 là phù hợp với các quy định của pháp luật tại Điều 91; Điều 95 luật các tổ chức tín dụng, các Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 nên yêu cầu này được chấp nhận.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ các bên đương sự đã áp dụng biện pháp thế chấp tài sản là: 01 xe ô tô con nhãn hiệu HYNDAI, số loại GRAND, biển số: 93A-069.17, số khung: 51AAHM440976, số máy G3LAGM071554 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 009923 do Phòng CSGT công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 18/5/2016 cho ông Trương Trọng K. Do vậy, việc yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp của phía nguyên đơn đối với bị đơn nếu không trả được nợ hoặc không trả hết nợ là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 299, Điều 303 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu phát mãi tài sản của nguyên đơn.

Về án phí: Ông Trương Trọng K phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy đinh của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án tính trên số tiền phải thanh toán.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 299; Điều 303; Điều 320; Điều 323; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91; Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn NH T đối với bị đơn ông Trương Trọng K.

Buộc bị đơn ông Trương Trọng K có trách nhiệm trả cho NH T số tiền nợ gốc: 156.966.000đ (một trăm năm mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn đồng), tiền nợ lãi: 60.203.166đ (sáu mươi triệu hai trăm lẻ ba nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng) các khoản lãi trên được tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/02/2021. Tổng cộng số tiền ông Trương Trọng K phải thanh toán cho Ngân hàng là: 217.169.166đ (hai trăm mười bảy triệu một trăm sáu mươi chín nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, bị đơn không trả được số tiền trên thì phải tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký số: 7408313/GDH/HĐTD ký ngày 23/5/2016.

Dành quyền ưu tiên thanh toán trong trường hợp bị đơn không trả được nợ. Nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện B tiến hành bán đấu giá tài sản thế chấp: 01 xe ô tô con nhãn hiệu HYNDAI, số loại GRAND, biển số: 93A-069.17, số khung: 51AAHM440976, số máy G3LAGM071554 theo Giấy

chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 009923 do Phòng CSGT công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 18/5/2016 cho ông Trương Trọng K.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trương Trọng K có nghĩa vụ phải nộp: 10.858.458đ (mười triệu tám trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi tám đồng).

Trả lại cho NH T 5.111.749đ (năm triệu một trăm mười một nghìn bảy trăm bốn mươi chín đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0017497 ngày 19/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

Trường hợp án án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bán án được niêm yêt công khai.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA DS huyện B;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Trần Văn Lượng